TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HƯNG YÊN
---***---
Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST
Ngày 06/09/2022
" V/v: Ly hôn giữa chị H1 và anh B"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU TỈNH HƯNG YÊN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế P
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ - Ông Lê Quang T.
2/ - Bà Lê Thị O.
Thư ký phiên tòa: - Bà Nguyễn Thị Tr V - Thư ký Tòa án.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: - Bà Đặng Thị H – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 06/09/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 69/2022/HNGĐ-ST Ngày 18/3/2022 về việc "Xin ly hôn" giữa:

***- Nguyên đơn:** Chị Trần Thị H1 - Sinh năm 1980.

+ Sinh và trú quán tại: Thôn N, xã P1, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

+ HKTT tại: Thôn A, xã Ô, huyện K, tỉnh Hưng Yên. (Có mặt tại phiên tòa).

***- Bị đơn:** Anh Vũ Công B - Sinh năm 1975.

+ Sinh, trú quán và HKTT tại: Thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên. (Vắng mặt tại phiên tòa).

***- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1/- Cháu Vũ Công Th – sinh ngày 25/11/2002.

2/- cháu Vũ Công Ph – sinh ngày 11/10/2006.

+ Đều sinh, trú quán và HKTT tại: Thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên. (Đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết xét xử vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị H1 trình bày:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Vũ Công B có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ô vào năm 2000, trên cơ sở hai bên tự nguyện. Hai anh chị chung sống với nhau hạnh phúc bình thường được một thời gian thì nẩy sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm, lối sống. Đến năm 2020 chị về nhà đẻ ở xã P1 sinh sống, nên từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Nay chị xin được ly hôn với anh B vì không có hạnh phúc, tình cảm.

Về con chung: Có hai con là cháu Vũ Công Th và cháu Vũ Công Ph. Hiện hai cháu đang ở với anh B. Nếu ly hôn thì chị xin được nuôi cháu Ph, mà không yêu cầu việc đóng góp phí tổn nuôi con chung. Riêng cháu Th đã lớn trưởng thành, nên vấn đề nuôi dưỡng không đặt ra.

Về chia tài sản và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết phân chia.

Tại biên bản ghi lời khai và trong quá trình giải quyết xét xử vụ án, bị đơn anh Vũ Công B trình bày:

Về hôn nhân: Anh cũng khai nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị Trần Thị H1 trình bày trên đây. Anh vẫn muốn chị H1 suy nghĩ lại để về đoàn tụ, còn nếu chị H1 vẫn kiên quyết ly hôn thì anh cũng nhất trí.

Về con chung: Nếu ly hôn thì anh xin được nuôi cháu Ph, mà không yêu cầu việc đóng góp phí tổn nuôi con chung.

Về chia tài sản và công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết phân chia.

Tại biên bản ghi lời khai cháu Vũ Công Ph có nguyện vọng: Xin được ở với bố (anh Vũ Công B) trong trường hợp bố mẹ ly hôn.

Anh Vũ Công B, cháu Vũ Công Th và cháu Vũ Công Ph xin được vắng mặt khi Tòa án giải quyết xét xử vụ án này.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn chị Trần Thị H1 vẫn giữ nguyên ý kiến và quan điểm trên đây.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong qúa trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện và tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng trong vụ án. Còn bị đơn chưa chấp hành đầy đủ vì đã nhiều lần vắng mặt không

đến Tòa án theo giấy triệu tập. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án lệ phí Tòa án. Đề nghị xử: Cho chị Trần Thị H1 được ly hôn với anh Vũ Công B; Con chung: Giao cháu Vũ Công Ph (sinh ngày 11/10/2006) cho anh Vũ Công B tiếp tục nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra. Sau khi ly hôn, chị Trần Thị H1 được quyền thăm nom, chăm sóc và được quyền xin thay đổi việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Đối với cháu Vũ Công Th (sinh ngày 25/11/2002) đã lớn trưởng thành nên việc nuôi dưỡng không đặt ra; Tài sản chung và công nợ chung của anh Vũ Công B và chị Trần Thị H1 thì không đặt ra giải quyết trong vụ án ly hôn này; Nguyên đơn chị Trần Thị H1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

Về hôn nhân: Việc anh Vũ Công B và chị Trần Thị H1 kết hôn có đăng ký là hợp pháp, đã xác lập quan hệ vợ chồng. Tuy nhiên trong quá trình chung sống anh chị đã nẩy sinh mâu thuẫn, sống ly thân nhau, không quan tâm chăm sóc nhau. Cuộc sống gia đình đang ở tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần xử cho chị Trần Thị H1 được ly hôn với anh Vũ Công B để hai anh chị sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Do cháu Vũ Công Th đã lớn trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng không đặt ra. Còn đối với cháu Ph thì hiện đang ở với anh B và nguyện vọng của cháu là xin được ở với bố, nên cần giữ nguyên hiện trạng, giao cháu Ph cho anh B tiếp tục nuôi. Do anh B không yêu cầu nên việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra. Sau khi ly hôn, chị Trần Thị H1 được quyền thăm nom, chăm sóc và được quyền xin thay đổi việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về chia tài sản và công nợ chung: Do cả anh Vũ Công B và chị Trần Thị H1 đều không yêu cầu phân chia, nên Tòa án không đặt ra xem xét trong vụ án ly hôn này. Khi nào anh, chị có yêu cầu phân chia tài sản thì làm đơn khởi kiện để xem xét giải quyết ở vụ án dân sự khác.

Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị H1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Cần đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H1 đã nộp.

Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn luật định các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

* - *Căn cứ*: - Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 - Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH1 vụ Quốc hội về án lệ phí tòa án.

*- *Xử :*

1. – Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị H1 được ly hôn với anh Vũ Công B.

2. – Về con chung: Giao cháu Vũ Công Ph (sinh ngày 11/10/2006) cho anh Vũ Công B tiếp tục nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra. Sau khi ly hôn, chị Trần Thị H1 được quyền thăm nom, chăm sóc và được quyền xin thay đổi việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Đối với cháu Vũ Công Th (sinh ngày 25/11/2002) đã lớn trưởng thành nên việc nuôi dưỡng không đặt ra.

3. – Về chia tài sản và công nợ chung: Không đặt ra xem xét. Khi nào anh Vũ Công B, chị Trần Thị H1 có yêu cầu phân chia thì làm đơn khởi kiện để xem xét giải quyết ở vụ án dân sự khác.

4. – Về án phí: Chị Trần Thị H1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. (Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng dự phí chị H1 đã nộp theo biên lai thu số 0008277 ngày 18/03/2022 tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện K nên việc nộp án phí đã xong).

*5.- *Về quyền kháng cáo*: Chị Trần Thị H1 (Có mặt tại phiên tòa) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 06/09/2022. Anh Nguyễn Công B, cháu Vũ Công Th và cháu Vũ Công Ph (Vắng mặt tại phiên tòa) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản sao bản án tại địa phương nơi cư trú./

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thế P

- Nơi nhận:
+ TAND& VKSND tỉnh Hưng Yên
+ VKSND& CC THADS huyện K.
+ UBND xã Ô.
+ Các đương sự.
+ Lưu Hồ sơ, VP.